

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂY SƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/01/2022

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Minh Trí

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Minh Lâm

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Khánh Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn HT, xã BT, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Công B, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn PT, xã TP, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Chị T có mặt, anh B có đơn xin xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:* Chị và anh Nguyễn Công B tự nguyện tìm hiểu, quen biết được hai bên gia đình chấp nhận có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào ngày 21/10/2015 nhưng không có đăng ký kết hôn, chị và anh B tự nguyện chung sống với nhau. Sau cưới vợ chồng sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ anh B ở thôn Phú Thọ, xã Tây Phú, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định được 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau và bất đồng quan điểm sống, anh B không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng xảy ra cãi vã xúc phạm lẫn nhau, vợ chồng không thể sống

chung được với nhau nên chị về phía cha mẹ chị ở thôn Hòa Trung, Bình Tường sinh sống từ tháng 8/2021 (AL) và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, mạnh ai nấy sống. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Công B. Chị yêu cầu Tòa án công nhận chị và anh B không phải là vợ chồng để mỗi người có cuộc sống ổn định riêng.

- Về con chung: Giữa chị và anh B có 02 con chung tên Nguyễn Hạo N, (Giới tính: Nam) – sinh ngày 11/5/2016 và Nguyễn Trần Yến N1, (Giới tính: Nữ) – sinh ngày 25/11/2018, hiện nay hai cháu N, N1 đang ở với chị, sức khỏe các cháu bình thường. Nay ly hôn chị yêu cầu hai cháu còn nhỏ nên chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chị yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi hai cháu N, N1 mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2021 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ chung ai, cũng không ai nợ chung vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Công B trình bày:* Anh và chị Trần Thị T tự nguyện tìm hiểu, quen biết được hai bên gia đình chấp nhận có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào ngày 21/10/2015 nhưng không có đăng ký kết hôn, anh và chị T tự nguyện chung sống với nhau. Sau cưới vợ chồng sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ anh ở thôn Phú Thọ, xã Tây Phú, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định được 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau không tìm được tiếng nói chung nên chị T đã bỏ về phía cha mẹ chị T ở thôn Hòa Trung, Bình Tường sinh sống từ tháng 8/2021 (AL) và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh thì anh cũng đồng ý, anh yêu cầu Tòa án công nhận anh và chị T không phải là vợ chồng để mỗi người có cuộc sống ổn định riêng.

- Về con chung: Giữa anh và chị T có 02 con chung tên Nguyễn Hạo N, (Giới tính: Nam) – sinh ngày 11/5/2016 và Nguyễn Trần Yến N1, (Giới tính: Nữ) – sinh ngày 25/11/2018, hiện nay hai cháu N, N1 đang ở với vợ chồng, sức khỏe các cháu bình thường. Nay ly hôn anh cũng thống nhất hai cháu còn nhỏ giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi hai cháu N, N1 mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2021 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ chung ai, cũng không ai nợ chung vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến:* việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 14, 15, khoản 2 Điều 53 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 27 Nghị Quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị T và anh Nguyễn Công B là vợ chồng. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hạo N, (Giới tính: Nam) – sinh ngày 11/5/2016 và Nguyễn Trần Yên N1, (Giới tính: Nữ) – sinh ngày 25/11/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2021 cho đến khi cháu N, N1 tròn 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T, anh B phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn giải quyết vụ án hôn nhân của chị. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn.

Bị đơn anh Nguyễn Công B có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Công B sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2015 có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn có xác nhận của UBND xã Tây Phú và UBND xã Bình Tường. Quá trình chung sống chị T và anh B sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau không tìm được tiếng nói chung, anh B không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng xảy ra cãi vã, chị T không thể sống chung với anh B đã bỏ về phía cha mẹ chị T ở thôn Hòa Trung, Bình Tường, Tây Sơn sinh sống từ tháng 8/2021 (AL) và vợ chồng chị T, anh B sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến nhau. Chị T có đơn xin ly hôn với anh B, anh B cũng đồng ý. Nhận thấy việc chị T và anh B chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Công B.

[2.2] Về con chung: Chị T, anh B có 02 con tên Nguyễn Hạo N, (Giới tính: Nam) – sinh ngày 11/5/2016 và Nguyễn Trần Yên N1, (Giới tính: Nữ) – sinh ngày 25/11/2018, chị T, anh B đều thống nhất khi ly hôn, chị T tiếp tục được nuôi dưỡng cháu N, N1, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con từ tháng 11/2021. Việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị T và anh B là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa công nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007013 ngày 11/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, chị T đã nộp xong. Anh Nguyễn Công B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, 15 và khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị T và anh Nguyễn Công B là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Hạo N, (Giới tính: Nam) – sinh ngày 11/5/2016 và Nguyễn Trần Yến N1, (Giới tính: Nữ) – sinh ngày 25/11/2018 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Công B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2021 cho đến khi cháu N, N1 tròn 18 tuổi.

Anh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007013 ngày 11/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, chị T đã nộp xong.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Công B phải chịu 300.000 đồng  
(Ba trăm nghìn đồng).

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao nhận hoặc được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú, đề xin Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- UBND xã Tây Phú, xã Bình Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Thị Minh Trí**